

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ KON TUM
TỈNH KON TUM**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 50/2017/HS-ST.

Ngày: 20/7/2017

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ KON TUM, TỈNH KONTUM
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Mai Thị Thu

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Trương Duy Cảnh

2/ Ông Nguyễn Văn Thập

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Rô Lan Tiên - Cán bộ Tòa án nhân dân thành phố KonTum.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Kon Tum tham gia phiên tòa: Ông Trần Bá Tài - Kiểm sát viên.

Ngày 20/7/2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum, xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 37/2017/TLST-HS ngày 17/5/2017 đối với bị cáo:

Nguyễn Văn T, tên gọi khác: Không; sinh năm 1987 tại Hải Phòng; Nơi ĐKKHKT: Thôn Cái T, xã An Đ, huyện An D, Thành phố Hải Phòng; Chỗ ở: Không nơi ở nhất định; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 8/12; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn D (đã chết) và bà Đào Thị N, sinh năm 1966; Có vợ: Nguyễn Thị Yến N, sinh năm 1990 và 01 con sinh năm 2008; Hiện vợ và con bị cáo đang trú tại: Tổ dân phố 3, thị trấn Đăk H, huyện Đăk H, tỉnh Kon Tum; Tiền sự: 0. Tiền án: 02.

Bản án số: 16/2011/HSST ngày 21/6/2011 của Tòa án nhân dân huyện Đăk H, tỉnh Kon Tum xử phạt 12 (mười hai) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản“, đến ngày 07/3/2012 chấp hành xong hình phạt tù.

Bản án số: 29/2012/HSST ngày 03/12/2012 của Tòa án nhân dân huyện Đăk H, tỉnh Kon Tum xử phạt 36 (ba mươi sáu) tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy“, đến ngày 22/01/2015 chấp hành xong hình phạt tù.

Bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 16/01/2017 cho đến nay. Có mặt tại phiên tòa.

- Người bị hại: Anh Phạm Đăng K, sinh năm 1984

Trú tại: Số 21 đường Nguyễn Tri P, Phường Lê L, thành phố Kon T, tỉnh Kon Tum. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 18 giờ 30 phút ngày 16/01/2017, trong lúc ngồi uống nước với nhau, T (bạn mới quen, chưa xác định được lai lịch) rủ Nguyễn Văn T đi trộm cắp tài sản. T đồng ý, sau đó T điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Wave màu đỏ đen (không xác định được biển kiểm soát) chở theo T cầm theo 01 kim điện, 01 ống sắt có gắn đầu vít đến địa bàn phường Lê L, thành phố Kon T. Khi đi ngang qua nhà anh Phạm Đăng K, thấy cửa khóa nhưng không có người ở nhà, T sử dụng công cụ đã chuẩn bị để phá khóa cổng, cửa nhà. Sau đó, T đứng bên ngoài cánh giới còn T vào nhà tìm kiếm tài sản để lấy trộm. T vào phòng ngủ lấy 01 (một) sợi dây chuyền bằng bạc và 01 (một) sợi dây chuyền bằng bạc một đầu có gắn móng thú bọc vàng tây 18K, số tài sản trên T cất giấu vào túi quần. Lúc này, anh Phạm Đăng K và ông Cao Minh L (Bố vợ của anh K, sinh năm 1960, trú tại: Tổ 3, Phường Lê L, thành phố Kon T, tỉnh Kon Tum) về nhà kiểm tra thì T điều khiển xe mô tô bỏ chạy, T bị phát hiện đang trốn tại góc sân sau nhà nên giao cho Công an lập biên bản phạm tội quả tang.

Kết luận định giá tài sản số: 04/ĐG-TS ngày 19/01/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự - Ủy ban nhân dân thành phố Kon T đã kết luận 01 (một) sợi dây chuyền bằng bạc nặng 01 chỉ có giá trị 200.000 đồng, 01 (một) dây chuyền bằng bạc nặng 05 chỉ một đầu có gắn móng thú bọc vàng tây 18K nặng 01 chỉ có giá trị 3.584.000 đồng. Tổng giá trị tài sản là: 3.784.000 đồng (Ba triệu bảy trăm tám mươi tư nghìn đồng).

Cáo trạng số 37/Ctr-VKS ngày 17/5/2017 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum truy tố bị cáo Nguyễn Văn T về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm c khoản 2 Điều 138 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Văn T thừa nhận toàn bộ hành vi trộm của mình đúng như Viện kiểm sát đã truy tố. Người bị hại anh Phạm Đăng K đã nhận lại tài sản và không yêu cầu gì thêm. Đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định

truy tố bị cáo Nguyễn Văn T về tội “Trộm cắp tài sản“. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm c khoản 2 Điều 138, điểm g, p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Nguyễn Văn T và đề nghị xử phạt bị cáo từ 24 đến 30 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

- Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Kon Tum, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Kon Tum, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và người bị hại không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

- Về hành vi phạm tội của bị cáo: Bị cáo Nguyễn Văn T đã lợi dụng sự sơ hở trong việc quản lý tài sản của anh Phạm Đăng K, lén lút trộm cắp chiếm đoạt 01 (một) sợi dây chuyền bằng bạc nặng 01 chỉ có giá trị 200.000 đồng, 01 (một) dây chuyền bằng bạc nặng 05 chỉ một đầu có gắn móng thú bọc vàng tây 18K nặng 01 chỉ có giá trị 3.584.000 đồng. Tổng giá trị tài sản là: 3.784.000 đồng (*Ba triệu bảy trăm tám mươi tư nghìn đồng*). Bị cáo T có 02 tiền án, đã chấp hành xong hình phạt tù nhưng chưa được xóa án tích. Do đó, hành vi của bị cáo đã phạm vào tội “*Trộm cắp tài sản*” thuộc trường hợp “*Tái phạm nguy hiểm*” quy định tại điểm c khoản 2 Điều 138 Bộ luật hình sự.

Đây là vụ án đồng phạm giản đơn, không có sự bàn bạc. Bị cáo Nguyễn Văn T là người trực tiếp trộm cắp tài sản. Xét hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm phạm đến tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, làm ảnh hưởng đến an ninh trật tự an tại địa phương. Bị cáo có nhân thân xấu, đã hai lần đi cải tạo, giáo dục nhưng không trở thành người lương thiện, điều đó thể hiện bị cáo xem thường pháp luật, xem thường tài sản của người khác. Vì vậy cần xử phạt bị cáo mức án nghiêm minh để giáo dục bị cáo trở thành công dân có ích và biết tôn trọng pháp luật.

Song cũng xét thấy, sau khi phạm tội bị cáo thành khẩn khai báo, tài sản bị xâm phạm đã được thu hồi trả lại cho người bị hại nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g, p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Trong vụ án này, còn có đối tượng tên T là người khởi xướng, rủ rê Tiến đi trộm cắp tài sản nhưng hiện nay chưa xác định được nhân thân lai lịch nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Kon Tum tách vụ án, tiếp tục xác minh, làm rõ xử lý sau.

Về vật chứng vụ án:

01 (một) sợi dây chuyền bằng bạc trọng lượng 01 chỉ; 01 (một) sợi dây chuyền bằng bạc trọng lượng 05 chỉ một đầu có gắn móng thú bọc bằng vàng tây 18K trọng lượng 01 chỉ. Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Kon Tum đã trả lại cho anh Phạm Đăng K là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 1 Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự nên Hội đồng xét xử không xem xét.

01 (một) ống sắt có gắn đầu vít; 01 (một) kim điện, đây là những công cụ bị cáo sử dụng để thực hiện phạm tội, không có giá trị nên cần tịch thu, tiêu hủy theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự.

Về trách nhiệm dân sự: Anh Phạm Đăng K đã nhận lại toàn bộ tài sản và không có yêu cầu gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí hình sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự, Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Bị cáo Nguyễn Văn T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 138, điểm g, p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Văn T 26 (Hai mươi sáu)** tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam (16/01/2017).

Vật chứng vụ án: Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự.

Tịch thu, tiêu hủy 01 (một) ống sắt có gắn đầu vít dài khoảng 20cm, 01 (một) kim điện màu đỏ đen (theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 08/6/2017, giữa Công an thành phố Kon T với Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Kon T).

Về án phí: Căn cứ Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Bị cáo Nguyễn Văn T phải nộp 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

Căn cứ các Điều 231 và 234 Bộ luật tố tụng hình sự.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (20/7/2017) bị cáo có quyền kháng cáo bản án theo trình tự phúc thẩm. Riêng người bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại UBND xã, phường nơi cư trú.

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh KonTum;
- TAND Cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND Thành phố KonTum;
- Công an Thành phố KonTum;
- Chi cục THA dân sự Thành phố KonTum;
- UBND P Thắng Lợi, TP KonTum;
- Những người tham gia tố tụng khác;
- Các bị cáo;
- Lưu hồ sơ.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Mai Thị Thu